

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu Xây dựng Bang giá đất  
giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Căn cứ Luật đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy

định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 04/TT-BKHĐT ngày 15/11/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu

tu quy định chi tiết về lựa chọn nhà thầu qua hệ thống mạng đầu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 19/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và

Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo tham định trong quá trình tổ chức lựa chọn

nhà thầu;

Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh v/v phê

duyet dự toán kinh phí xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn

tỉnh Bắc Giang;

Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh v/v phê

duyet kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ, tư vấn xây dựng Bang giá đất

giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị tại Báo cáo tham định của Tô tham định ngày 01/8/2019 và Tô

trình 01/TT-Tr-TCG ngày 01/8/2019 của Tô chuyên gia đầu thầu,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Hồ sơ mời thầu Gói thầu Xây dựng Bang giá đất giai  
đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

(*Có nội dung Hồ sơ mời thầu kèm theo*)

**Điều 2:** Giao Tô chuyên gia đầu thầu và Tô tham định kết quả lựa chọn nhà

thầu tổ chức lựa chọn các nhà thầu thực hiện Dự án theo đúng quy định pháp luật

hiện hành. Trung tâm CNTT có trách nhiệm đăng tại Quyết định này.

**Điều 3.** Thủ trưởng các phòng, đơn vị: Văn phòng Sở, Kế hoạch Tài chính,

Trung tâm Công nghệ thông tin và các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi

hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: VI, KHHC.

Ban điện tử:

- GDS; PGD Đào Duy Trọng;

- KHHC, TTCNTT.



GIÂM ĐỌC

Chu Xuân Vương

Nguyễn Thị Tâm

Người cam kết

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

- Tôi tên là: Nguyễn Thị Tâm
- Địa chỉ: 50 Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền - TP Bắc Giang
- Số CMND/Hộ chiếu: 121346176 cấp ngày 12/11/2013 tại CA T Bắc Giang
- La thành viên tham gia thầu định hồ sơ mời thầu Xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.
- Tôi cam kết như sau:
- Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc tham định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Tham định hồ sơ mời thầu gói thầu Xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.
- Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**BẢN CAM KẾT**

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC**

## PHỤ LỤC

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

#### BẢN CAM KẾT

- Tôi tên là: Nguyễn Thị Thắm
- Địa chỉ: 50 Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền – TP Bắc Giang
- Số CMND/Hộ chiếu: 121346176 cấp ngày 12/11/2013 tại CA T Bắc Giang

Là thành viên tham gia thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*

Tôi cam kết như sau:

- Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc thẩm định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.

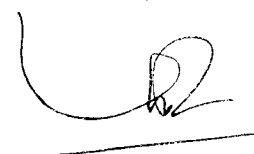
- Thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Giang, ngày tháng năm 2019

Người cam kết



Nguyễn Thị Thắm

## PHỤ LỤC

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

#### BẢN CAM KẾT

- Tôi tên là: Hà Quốc Khánh
- Địa chỉ: 50 Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền – TP Bắc Giang
- Số CMND/Hộ chiếu: 121293384 cấp ngày 23/6/2014 tại CA T Bắc Giang

Là thành viên tham gia thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*

Tôi cam kết như sau:

- Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc thẩm định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.

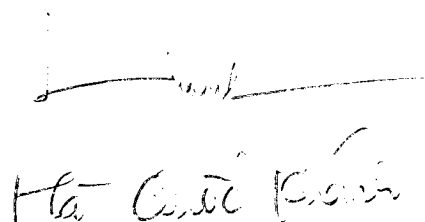
- Thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

**Người cam kết**



Hà Quốc Khánh

## PHỤ LỤC

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

#### BẢN CAM KẾT

- Tôi tên là: Hà Quốc Khánh
- Địa chỉ: 50 Ngõ Gia Tự - Phường Ngô Quyền – TP Bắc Giang
- Số CMND/Hộ chiếu: 121293384 cấp ngày 23/6/2014 tại CA T Bắc Giang

Là thành viên tham gia thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*

Tôi cam kết như sau:

- Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc thẩm định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.


- Thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019

**Người cam kết**

  
Hà Quốc Khánh (Chánh)

## PHỤ LỤC

### CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

#### **BẢN CAM KẾT**

- Tôi tên là: Nguyễn Chí Thanh
- Địa chỉ: 50 Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền – TP Bắc Giang
- Số CMND/Hộ chiếu: 121158789 cấp ngày 23/6/2016 tại CA T Bắc Giang

Là thành viên tham gia thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*


Tôi cam kết như sau:


- Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc thẩm định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu *Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang* trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

**Người cam kết**

  
Nguyễn Chí Thanh

*Nguyễn Chi Thanh*  


**Người cam kết**

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

- pháp luật.
- Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước
- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đầu thầu số 43/2013/QH13.
  - Tham định hồ sơ mời thầu gói thầu Xây dựng Bang gia đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.
  - Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc tham định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.
- Tôi cam kết như sau:
- Tôi tên là: Nguyễn Chí Thanh
  - Địa chỉ: 50 Ngõ Gia Tự - Phường Ngô Quyền – TP Bắc Giang
  - Số CMND/Hộ chiếu: 121158789 cấp ngày 23/6/2016 tại CA T Bắc Giang
  - Là thành viên tham gia tham định hồ sơ mời thầu gói thầu Xây dựng Bang gia đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **BẢN CAM KẾT**

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

**PHỤ LỤC**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**MẪU SỐ 02**

**MẪU BẢO CẠO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MÔI THẦU**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2015/TT-BKHĐT ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MÔI**

**THẦU THÀNH LẬP THEO**

**QUYẾT ĐỊNH SỐ 386/QĐ-**

**TNMT NGÀY 15/7/2019**

*Bắc Giang, ngày 31 tháng 7 năm 2019*

**BẢO CẠO THẨM ĐỊNH HỒ SƠ MÔI THẦU**

Gửi thầu Xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

Kính gửi: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 19/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ, tư vấn xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang v/v thành lập tổ chuyên gia đấu thầu; tổ thẩm định Hồ sơ môi thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu Xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Trên cơ sở Biên bản thẩm định của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt hồ sơ môi thầu, dự thầu hồ sơ môi thầu và các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định đã tiến hành thẩm định hồ sơ môi thầu Xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang từ ngày 01/8/2019 đến ngày 02/8/2019.



Kết quả thẩm định hồ sơ mời thầu nêu trên được tổng hợp theo các nội dung sau:

## I. THÔNG TIN CƠ BẢN

### 1. Khai quát về dự án, gói thầu

Bang giá đất giai đoạn 2015-2019 tỉnh Bắc Giang có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2019, do vậy cần xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 để thực hiện tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất ở của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích trong hạn mức; cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình cá nhân, tính thuế sử dụng đất; tính phí và lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai; tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tính giá trị quyền sử dụng đất để trả cho người tự nguyện trả lại đất cho Nhà nước đối với trường hợp đất trả lại là đất Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất có thu tiền sử dụng đất, đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật Đất đai 2013.

### 2. Tổ chức thẩm định

Tổ chức thẩm định làm việc theo nhóm.

## II. TỔNG HỢP CÁC NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

### 1. Căn cứ pháp lý

a) Tổng hợp kết quả tham định về căn cứ pháp lý:

Kết quả kiểm tra về căn cứ pháp lý của việc lập hồ sơ mời thầu được tổng hợp theo **Bang số 01** dưới đây:

### Bang số 01

STT	Nội dung kiểm tra		[1]	[2]	[3]
	Kết quả kiểm tra	Có			
1	X	Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 v/v phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;			
2	X	Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ, tư vấn xây dựng Bang giá đất giai			

			đoàn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang
3	Quyết định 62/QĐ-UBND ngày 21/01/2019 của Sở TNMT v/v giao dự toán thu, chi NSNN năm 2019 cho Văn phòng Sở TM và MT tỉnh Bắc Giang	x	
4	Tài liệu về thiết kế kèm theo dự toán	x	

**2. Nội dung của hồ sơ mời thầu**

**a) Tổng hợp kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:**

Kết quả thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu được tổng hợp tại: Bảng số

02A

Bảng số 02A

Kết quả thẩm định	Nội dung kiểm tra	[1]	Phần 1. Thủ tục đấu thầu	- Chỉ dẫn nhà thầu	- Bảng dự liệu đầu thầu	- Tiêu chuẩn danh giá hồ sơ dự thầu	- Biểu mẫu dự thầu		
		[2]	x	Phần 1. Thủ tục đấu thầu					
		[3]		Phần 2. Yêu cầu về cung cấp				x	
				Phần 3. Điều kiện hợp đồng và biểu mẫu hợp đồng	- Điều kiện chung của hợp đồng	- Điều kiện cụ thể của hợp đồng	- Biểu mẫu hợp đồng		

**b) Ý kiến thẩm định về nội dung hồ sơ mời thầu:**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC TÀI LIỆU ĐƯỢC CUNG CẤP ĐỂ THỰC HIỆN VIỆC THĂM ĐỊNH HỒ SƠ MÔI THẦU

Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội;

Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư 19/TT-BKHĐT ngày 27/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo tham định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Quyết định số 949/QĐ-UBND ngày 17/6/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt dự toán kinh phí xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Bắc

Giang;

Quyết định số 1093/QĐ-UBND ngày 08/7/2019 của UBND tỉnh v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu dịch vụ, tư vấn xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang v/v thành lập tổ chuyên gia đấu thầu; tổ tham định Hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu Xây dựng Bang giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ tài liệu được cung cấp, kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bang số 02A** tờ chức thẩm định nhất trí với nội dung hồ sơ mời thầu do Tò chuyên gia đã đầu thầu lập.

**3. Ý kiến khác biệt, bảo lưu của các cá nhân tham gia lập hồ sơ mời thầu** (nếu có): không có

### III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

**1. Nhận xét về nội dung hồ sơ mời thầu**

Hồ sơ mời thầu được lập theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo việc lựa chọn nhà thầu khách quan, phù hợp với yêu cầu gói thầu.

**2. Kiến nghị**

Trên cơ sở tờ trình của Tò chuyên gia về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, dự thảo hồ sơ mời thầu và nội dung tài bao cáo thẩm định này, Tò thẩm định kiến nghị Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu Xây dựng Bang gia đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang.

Báo cáo thẩm định này được lập bởi: Tò thẩm định thành lập theo Quyết định số 386/QĐ-UBND ngày 15/7/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường gồm:

- Bà: *Nguyễn Thị Thăm* - Chức vụ: Trưởng phòng KHTC - Tò trưởng;
- Ông: *Hà Quốc Khanh* - Chức vụ: Phó Chánh văn phòng Sở - Tò viên;
- Ông: *Nguyễn Chí Thanh* - Chức vụ: Chuyên viên phòng KHTC - Tò viên.

### TÒ CHỨC THẨM ĐỊNH

**Nơi nhận:**  
- Như trên;  
- Bản mời thầu;  
- Lưu VT.

*Nguyễn Chí Thanh*  
*Nguyễn Chí Thanh*  
*Nguyễn Chí Thanh*

Bắc Giang, ngày 01 tháng 8 năm 2019

**BIÊN BẢN LÀM VIỆC**  
**THỐNG NHẤT NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU**

**Gói thầu Xây dựng Bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 - 2024**

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 00 phút ngày 01/8/2019, chúng tôi gồm

- Ông Đào Duy Trọng – Phó Giám đốc Sở, Tổ trưởng tổ chuyên gia đấu thầu gói thầu xây dựng Bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020 – 2024;
- Bà Nguyễn Thị Tuyết – Phó trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính, thành viên
- Ông Nguyễn Ngọc Sơn – Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, thành viên.

Chúng tôi đã cùng nhau làm việc thống nhất nội dung Hồ sơ mời thầu gói thầu xây dựng bảng giá đất tỉnh Bắc Giang như sau:

Các thành viên thống nhất nội dung trên đây và trình Tổ thẩm định xem xét, phê duyệt:

Số TBMT	20190804267-00	Ngày đăng tải	
Hình thức thông báo	Đăng lần đầu		
Loại thông báo	Thông báo thực		
Lĩnh vực	Phi tư vấn		
Bên mời thầu	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang		
Chủ đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047		
Tên gói thầu	Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang		
Phân loại	Dự án đầu tư		
Tên dự án	Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang		
Chi tiết nguồn	nguồn sự nghiệp tài nguyên 2019		

<b>Bảo đảm dự thầu</b>	
Số tiền đảm bảo	7.655.900 VND
Số tiền bằng chữ	Bảy triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn chín trăm đồng chẵn
Hình thức đảm bảo dự thầu	Thư bảo lãnh

<b>Mở thầu</b>	
Thời điểm đóng/mở thầu	16/08/2019 08:00
Địa điểm mở thầu	website: <a href="http://muasamcong.mpi.gov.vn">http://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
Dự toán gói thầu	765.590.000 VND
Số tiền bằng chữ	Bảy trăm sáu mươi năm triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

<b>Cách thức tham dự thầu</b>	
Hình thức dự thầu	Đấu thầu qua mạng
Thời gian nhận HSDT từ ngày	
Phát hành E-HSMT	Miễn phí
Địa điểm nhận E-HSDT	web site: <a href="http://muasamcong.mpi.gov.vn">http://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
Địa điểm thực hiện gói thầu	Tỉnh Bắc Giang

<b>Vốn</b>	
Loại hợp đồng	Tròn gói
Hình thức lựa chọn nhà thầu	Chào hàng cạnh tranh
Phương thức	Một giai đoạn một túi hồ sơ
Thời gian thực hiện hợp đồng	5 Tháng
	Trong nước

**BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU**

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên bên mời thầu là: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang
<b>E-CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang Tên dự án là: Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang Thời gian thực hiện hợp đồng là: 5 Tháng
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): nguồn sự nghiệp tài nguyên 2019
<b>E-CDNT 5.3</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên mời thầu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Số 50 - Đường Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền - TP Bắc Giang</li> <li>+ Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047</li> </ul>                     trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn.                 </li> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:                     <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán</li> <li>+ Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT</li> <li>+ Tư vấn đánh giá E-HSĐT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</li> </ul>                     Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang; Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang (02043856047) Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang                 </li> </ul> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Số 50 - Đường Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền - TP</li> </ul>

	Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang - Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047
<b>E-CDNT 10.7</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: không yêu cầu
<b>E-CDNT 15.2</b>	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm: + 01 HĐ tư vấn xây dựng Bảng giá đất cấp tỉnh hoặc Hợp đồng tương tự (được công chứng, chứng thực) + Tài liệu chứng minh về năng lực nhân sự tham gia gói thầu (Hợp đồng lao động; Chứng chỉ thẩm định giá (hoặc tương đương) của Tư vấn trường và ít nhất 01 tư vấn viên) + Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà thầu để thực hiện gói thầu
<b>E-CDNT 16.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT $\geq$ 90 ngày.
<b>E-CDNT 17.1</b>	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 7.655.900 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.
<b>E-CDNT 25.2</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 30 % giá dự thầu của nhà thầu.
<b>E-CDNT 27.1</b>	Phương pháp đánh giá E-HSDT: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm : Đạt - Không đạt b) Đánh giá về kỹ thuật : Đạt - Không đạt c) Đánh giá về giá : Phương pháp giá thấp nhất
<b>E-CDNT 27.2.1</b>	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.
<b>E-CDNT 29.4</b>	Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.
<b>E-CDNT 31.1</b>	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống là 7 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
<b>E-CDNT 32</b>	- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047 - Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Lưu Xuân Vượng Giám Đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 50 Ngô Gia Tự- TP Bắc Giang SĐT: 02043856047 - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Phòng Kế hoạch - Tài chính - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh



	Bắc Giang SĐT: 02043850877
<b>E-CDNT 33</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang Trụ sở: Đường Nguyễn Gia Thiều, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang Điện thoại: 0204-3854317
<b>E-CDNT 34</b>	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa: 10 % Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa: 10 %

**Mẫu số 01A**

**PHẠM VI CUNG CẤP**  
(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ khối lượng mời thầu và các mô tả dịch vụ với các diễn giải chi tiết (nếu thấy cần thiết).

<b>STT</b>	<b>Danh mục dịch vụ</b>	<b>Mô tả dịch vụ</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Khối lượng</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Công tác chuẩn bị	Xác định loại xã, loại đô thị, xác định khu vực, xác định vị trí trong xây dựng bảng giá đất; chuẩn bị biểu mẫu, phiếu điều tra	phiếu	8.500	
2	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; yếu tố tự nhiên, kinh tế- xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại thời điểm điều tra	Điều tra, thu thập thông tin yếu tố tự nhiên, kinh tế- xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất ; Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về giá đất thị trường theo mẫu phiếu điều tra; Kiểm tra, rà soát và phân loại phiếu	phiếu	8.500	Điều tra tại 230 xã, phường, thị trấn (230 điểm điều tra)

		điều tra; Xác định mức giá của các vị trí đất; thống kê giá đất thị trường; Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường theo từng điểm điều tra			
3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện	bảng tổng hợp	10	10 bảng tổng hợp và 10 báo cáo cho mỗi huyện thành phố
4	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện	bảng tổng hợp	1	01 bảng tổng hợp và 01 bản báo cáo cấp tỉnh
5	Xây dựng Bảng giá đất	1, Xây dựng Bảng mức giá các loại đất: Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác; Bảng giá đất trồng cây lâu năm; Bảng giá đất rừng sản xuất; Bảng giá đất NTTS; Bảng giá đất khu, cụm công nghiệp; Bảng giá đất ở nông thôn; Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh PNN không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; Bảng giá đất ở tại đô thị; Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị; Bảng giá đất sản	Bảng	11	11 bảng đơn giá đối với từng loại đất; 01 báo cáo thuyết minh chung

		xuất, kinh doanh PNN không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị. 2, Xử lý giá đất tại khu vực giáp ranh 3, Xây dựng báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất			
6	Hoàn thiện dự thảo Bảng giá đất	Hoàn thiện dự thảo Bảng giá đất	bộ	1	
7	In, sao, lưu trữ, phát hành	In, sao, lưu trữ, phát hành Bảng giá đất	bộ	14	Gồm cả đĩa CD (hoặc USB) và bản cứng

Mẫu số 02

### BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Nêu yêu cầu về thời gian thực hiện hợp đồng theo ngày/tuần/tháng:

Thời gian thực hiện hợp đồng	5 Tháng
------------------------------	---------

Trường hợp cần lập kế hoạch thực hiện/lich trình thực hiện cho từng hoạt động thì bên mời thầu nêu rõ tên dịch vụ và khối lượng công việc, tiến độ cung cấp cụ thể và địa điểm như bảng dưới đây:

STT	Danh mục	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu đầu ra	Địa điểm thực hiện
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; yếu tố tự nhiên, KT-	1	phiếu	20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	8500	230 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

	XH, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại thời điểm điều tra					
2	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin cấp huyện	1	bảng	10 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 1	10 bảng tổng hợp, 10 báo cáo	10 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang
3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin cấp tỉnh	1	bảng	5 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 2	01 bảng tổng hợp, 01 báo cáo	tỉnh Bắc Giang
4	Xây dựng dự thảo Bảng giá đất	11	bảng	10 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 3	11 bảng giá các loại đất	tỉnh Bắc Giang
5	Hoàn thiện, in, sao kê tài liệu	1	bộ	5 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 4	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư về tiến độ các phiên họp, thẩm định	tỉnh Bắc Giang

Mẫu số 03

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ	
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà	Nhà thầu liên danh

			<b>thầu độc lập</b>	<b>Tổng các thành viên liên danh</b>	<b>Từng thành viên liên danh</b>	<b>Tối thiểu một thành viên liên danh</b>
<b>1</b>	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng
<b>2</b>						
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ</b>	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 750,000,000 VND, tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trong vòng 3 năm trở lại đây. Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng
<b>2.2</b>	<b>Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu</b>	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 229,677,000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng
<b>3</b>	<b>Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự</b>	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời điểm đóng thầu: Số lượng hợp đồng tương tự là 02, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là 350.000.000 VNĐ hoặc số lượng HĐ ít hơn hoặc nhiều hơn 2 trong đó có ít nhất 01 HĐ có giá trị tối thiểu là 350.000.000 VNĐ và tổng giá trị tất cả các HĐ $\geq$ 700.000.000 VNĐ	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh
		(i) số lượng hợp đồng là N, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V ( $N \times V = X$ ) hoặc				
		(ii) số lượng hợp đồng ít hơn hoặc nhiều hơn N, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là V và tổng giá trị tất cả các hợp đồng $\geq X$ .				

Mẫu số 04A

### YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định nhà thầu phải đề xuất nhân sự chủ chốt thực hiện các công việc của gói thầu.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm trong các công việc tương tự
1	Tư vấn trưởng	1	3	1
2	Tư vấn viên	3	1	1

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 11A, 11B Chương IV

### **Mẫu số 04B**

### **YÊU CẦU THIẾT BỊ MÁY MÓC DỰ KIẾN THỰC HIỆN GÓI THẦU**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp.

<b>STT</b>	<b>Loại thiết bị</b>	<b>Đặc điểm thiết bị</b>	<b>Số lượng tối thiểu cần có</b>
<b>1</b>	Máy tính	máy bàn hoặc laptop	5
<b>2</b>	Máy in	máy in văn phòng	1

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu theo Mẫu số 11C Chương IV.

### **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.2 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.1 E-CDNT;

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.

3. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu, thực hiện bảo đảm dự thầu;

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh, thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu, thỏa thuận liên danh để đánh giá.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:**

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.



## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt thực hiện theo Mẫu số 04 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

## MỤC 3. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

### Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
1	<b>Giải pháp và phương pháp luận</b>	
1.1	Am hiểu rõ mục đích và yêu cầu gói thầu được nêu tại Chương 5. Yêu cầu kỹ thuật	(1) Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật và Bảng tiến độ. (2) Đề xuất kỹ thuật có các nội dung mô tả về các gói thầu có liên quan
1.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	Phải đáp ứng yêu cầu sau: (1) Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc phù hợp với nội dung quy định tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật và bảng tiến độ. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách tương đối hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho gói thầu. (2) Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ (3) Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của gói thầu
1.3	Cách trình bày đề xuất	Phải đáp ứng các yêu cầu sau:

		<p>(1) Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi.</p> <p>(2) Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục</p>
2.	Kế hoạch triển khai	<p>Phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:</p> <p>(1) Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu thầu theo yêu cầu tại Chương V. Đề xuất kỹ thuật và yêu cầu tiến độ tại Bảng tiến độ; mỗi nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp, rõ ràng (trong đó: chú ý đến mốc thời gian Dự thảo sản phẩm Bảng giá đất phải trình Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang để tổng hợp trước 15/10)</p> <p>(2) Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến theo Chương 5. Yêu cầu kỹ thuật và Bảng tiến độ.</p> <p>(3) Có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo.</p>
3.	Bố trí nhân sự	<p>Phải đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>(1) Bố trí nhân sự theo yêu cầu của HSMT.</p> <p>(2) Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai.</p>

#### **MỤC 4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁ**

##### **Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

## **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

### **1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu**

Tên dự án: Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh bắc Giang;

Tên gói thầu: dịch vụ, tư vấn Xây dựng Bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh bắc Giang,

Phạm vi thực hiện: trên địa bàn toàn tỉnh (10 huyện, thành phố).

Thời gian thực hiện: 5 tháng.

*Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án và về gói thầu như địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, yêu cầu về cung cấp dịch vụ, thời gian thực hiện và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.*

### **2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Việc điều tra, khảo sát xây dựng bảng giá đất được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, Nghị định 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về giá đất; Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Sơ bộ các bước thực hiện như sau:

#### **Bước 1. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại điểm điều tra**

1. Việc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại điểm điều tra được thực hiện theo quy định sau:

a) Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về giá đất thị trường của tối thiểu 03 thửa đất đại diện cho mỗi vị trí đất tại điểm điều tra đối với từng loại đất theo mẫu biểu từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 05 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT-BTNMT.

b) Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại điểm điều tra theo Mẫu số 06

của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT.

2. Kết thúc việc điều tra khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường tại mỗi điểm điều tra phải kiểm tra, rà soát toàn bộ phiếu điều tra và xác định mức giá của các vị trí đất. Mức giá của vị trí đất được xác định bằng bình quân số học mức giá của các thửa đất đã điều tra, khảo sát tại từng vị trí đất.

Đối với các vị trí đất không có thông tin về giá đất thị trường thì căn cứ vào giá đất trong bảng giá đất hiện hành, mức giá của các vị trí đất đã được xác định, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và Điều 3 của Thông tư này để xác định mức giá của các vị trí đất còn lại.

3. Việc thống kê giá đất thị trường tại điểm điều tra thực hiện theo Mẫu số 07 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT và xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại điểm điều tra. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Đánh giá tổng quan về điểm điều tra;
- b) Đánh giá tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại điểm điều tra; tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất thị trường với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành;
- c) Đề xuất mức giá của các vị trí đất tại điểm điều tra.

4. Hồ sơ kết quả điều tra khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường tại điểm gồm có:

- a) Phiếu thu thập thông tin về điểm điều tra;
- b) Phiếu thu thập thông tin về thửa đất;
- c) Bảng thống kê phiếu thu thập thông tin về thửa đất;
- d) Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại điểm điều tra.

## **Bước 2. Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện**

1. Việc tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 11 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại cấp huyện. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Đánh giá về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn cấp huyện;
- b) Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường; tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất thị trường với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành tại cấp huyện;
- c) Đề xuất mức giá của các vị trí đất trên địa bàn cấp huyện.

3. Hồ sơ tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện gồm có:

- a) Bảng tổng hợp giá đất trên địa bàn cấp huyện;
- b) Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại cấp huyện.

**Bước 3. Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành**

1. Việc tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 12 đến Mẫu số 14 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT và phải hoàn thiện trước ngày 01 tháng 8 của năm xây dựng bảng giá đất.
2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành
  - a) Đánh giá tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất thị trường với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành.
  - b) Đánh giá các quy định trong bảng giá đất hiện hành.

**Bước 4. Xây dựng bảng giá đất**

1. Bảng giá đất được xây dựng theo vị trí đất thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 15 đến Mẫu số 19 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT . Trường hợp bảng giá đất được xây dựng đến từng thửa đất thì thực hiện theo Mẫu số 20 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Xử lý giá đất tại khu vực giáp ranh
  - a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP để quy định khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là khu vực giáp ranh).
  - b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi dự thảo bảng giá đất của địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đất giáp ranh để lấy ý kiến; đăng dự thảo bảng giá đất liên tục trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được dự thảo bảng giá đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đất giáp ranh phải có văn bản trả lời.Trường hợp chênh lệch về mức giá đất tại khu vực giáp ranh trong dự thảo bảng giá đất vượt mức quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đất giáp ranh phải thống nhất với nhau về mức giá đất dự kiến ban hành tại khu vực giáp ranh.
3. Xây dựng báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:
  - a) Đánh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn cấp tỉnh;

b) Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường trên địa bàn cấp tỉnh; kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành;

c) Đánh giá sự phù hợp của giá đất trong dự thảo bảng giá đất so với khung giá đất; kết quả điều tra giá đất thị trường; giá đất trong dự thảo bảng giá đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đất giáp ranh (nếu

- có);
- d) Việc quy định vị trí đất; áp dụng các phương pháp định giá đất và mức giá các loại đất trong dự thảo bảng giá đất; các phương án giá các loại đất (nếu có);
- đ) Đánh giá tác động của dự thảo bảng giá đất đến tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư, việc thực hiện chính sách tài chính về đất đai và thu nhập, đời sống của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sử dụng đất.
4. Xây dựng Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất.
5. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo bảng giá đất và hoàn thiện dự thảo bảng giá đất.

**Bước 5. Thẩm định dự thảo bảng giá đất**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Hội đồng thẩm định bảng giá đất hồ sơ thẩm định dự thảo bảng giá đất trước ngày 15 tháng 10 của năm xây dựng bảng giá đất. Hồ sơ gồm có:
- a) Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất;
- b) Dự thảo bảng giá đất;
- c) Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất (bao gồm Mẫu số 12 đến Mẫu số 14 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT).
2. Nội dung thẩm định bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất thực hiện theo Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của liên Bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất.

**Bước 6. Hoàn thiện dự thảo bảng giá đất; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; quyết định ban hành bảng giá đất**

1. Căn cứ văn bản thẩm định của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo bảng giá đất và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP.
3. Sau khi nhận được Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hoàn thiện hồ sơ xây dựng bảng giá đất; quyết định ban hành và công bố công khai bảng giá đất tại địa phương vào ngày 01/01/2020.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả xây dựng bảng giá đất trước ngày 15 tháng 01 của năm đầu kỳ để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Kết quả xây dựng bảng giá đất gồm có:



a) Quyết định ban hành bảng giá đất;

- b) Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất;
- c) Bảng tổng hợp giá đất đối với từng loại đất trên địa bàn cấp tỉnh.

**Sản phẩm của kế hoạch:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường lưu giữ, quản lý 01 bộ gồm:

- + Phiếu điều tra giá đất;
- + Báo cáo kết quả tổng điều tra giá đất;
- + Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- + Đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu về báo cáo đánh giá, báo cáo thuyết minh, bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- UBND tỉnh Bắc Giang 01 bộ gồm:

- + Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- + Bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- + Đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu về báo cáo đánh giá, báo cáo thuyết minh, bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang: mỗi đơn vị 01 bộ gồm:

- + Bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- Giao cấp huyện: mỗi huyện, thành phố 01 bộ gồm:

- + Bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;

Bàn giao để công bố: 02 đĩa CD ghi dữ liệu bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024, giao cho các cơ quan để phục vụ công bố.

## ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư là: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu:
E-ĐKC 1.11	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 50 ngô gia tự- TP bắc Giang 02043855877
E-ĐKC 2.8	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: HSMT; HSDT; Biên bản thương thảo
E-ĐKC 4	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
E-ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047
E-ĐKC 6.1	<ul style="list-style-type: none"><li>- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng</li><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng</li><li>- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 30/04/2020</li></ul>
E-ĐKC 6.2	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày
E-ĐKC 7.1	Danh sách nhà thầu phụ: Có áp dụng
E-ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Phải có đầy đủ năng lực trong việc thực hiện các công việc về xác định giá đất theo quy định của pháp luật
E-ĐKC 8.2	<ul style="list-style-type: none"><li>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 5 ngày</li><li>- Giải quyết tranh chấp: 3 ngày</li></ul>
E-ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Trọn gói

<b>E-ĐKC 12.2</b>	Giá hợp đồng: --Ghi giá hợp đồng-- VND
<b>E-ĐKC 13</b>	Điều chỉnh giá hợp đồng: không áp dụng
<b>E-ĐKC 14</b>	Điều chỉnh thuế: được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
<b>E-ĐKC 15.1</b>	Tạm ứng: được tạm ứng không quá 30% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu nộp bảo lãnh hợp đồng.
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Phương thức thanh toán: chuyển khoản
<b>E-ĐKC 16.3</b>	Giảm trừ thanh toán: không áp dụng
<b>E-ĐKC 18.1</b>	Mức bồi thường thiệt hại là: 100% (khi bên bị thiệt hại là Chủ đầu tư). Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 18.2</b>	Tỷ lệ % dùng để tính tiền phạt thực hiện hợp đồng là: 2% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 20.1(c)</b>	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Hợp đồng được điều chỉnh chỉnh bổ sung trong trường hợp các bên tham gia ký kết hợp đồng nhất trí về việc điều chỉnh bổ sung đó.
<b>E-ĐKC 21.4</b>	Các trường hợp khác: Chủ đầu tư được phép yêu cầu nhà thầu điều chỉnh bổ sung tiến độ thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu tiến độ thời gian UBND tỉnh Bắc Giang xác định việc xây dựng và thông qua Bảng giá đất.
<b>E-ĐKC 22.1(d)</b>	Các hành vi khác: Sau khi chủ đầu tư đã nhắc nhở nhà thầu đến lần thứ 3 bằng văn bản về việc vi phạm tiến độ hợp đồng hoặc chất lượng sản phẩm không đáp ứng yêu cầu đề ra thì Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với nhà thầu mà không cần bồi thường thiệt hại; trong trường hợp này nhà thầu sẽ bị thu hồi toàn bộ giá trị bảo lãnh hợp đồng để nộp vào ngân sách Nhà nước

<b>E-ĐKC 23.1</b>	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Tổ chức các cuộc họp do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì; các cuộc họp do Tổ tư vấn xác định giá đất và Hội đồng tư vấn xác định giá đất đã</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 2 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư có văn bản thông báo về sai sót. Việc không sửa chữa sai sót kịp thời theo yêu cầu của chủ đầu tư được coi là hành vi vi phạm hợp đồng.</p>
<b>E-ĐKC 24.2</b>	<p>Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 3 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư có văn bản yêu cầu thay thế. Việc không thay thế kịp thời theo yêu cầu của chủ đầu tư được coi là hành vi vi phạm hợp đồng.</p>

*Buổi làm việc kết thúc vào hồi 14 giờ 30 phút cùng ngày. Các thành viên tham gia ký tên dưới đây:*

**Đào Duy Trọng** \_\_\_\_\_

**Nguyễn Thị Tuyết** \_\_\_\_\_

**Nguyễn Ngọc Sơn** \_\_\_\_\_

### **Chương III. TIÊU CHUẨN BẢNG GIÁ E-HSDT**

#### **Mục 1. Danh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được danh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.2 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên Mời thầu (dom vi thụ hơng) theo quy định tại Mục 17.1 E-CDNT;
2. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.
3. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị từng ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu, thực hiện bảo đảm dự thầu;

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh mà nhà thầu kê khai trên Hệ thông và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh, thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu, thỏa thuận liên danh để danh giá.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, danh giá trong các bước tiếp theo.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn danh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được danh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phải sẽ không được xem xét khi danh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Ban thẩm nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Việc danh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn danh giá quy định dưới đây, nhà thầu được danh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn danh giá.

#### **2.1. Tiêu chuẩn danh giá về năng lực và kinh nghiệm:**

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt thực hiện theo Mẫu số 04 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

### Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đạt
<b>1</b>	<b>Giải pháp và phương pháp luận</b>	
1.1	Am hiểu rõ mục đích và yêu cầu gói thầu được nêu tại Chương 5. Yêu cầu kỹ thuật	(1) Am hiểu chung về phạm vi, quy mô của gói thầu nêu tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật và Bảng tiến độ. (2) Đề xuất kỹ thuật có các nội dung mô tả về các gói thầu có liên quan
1.2	Cách tiếp cận và phương pháp luận	Phải đáp ứng yêu cầu sau: (1) Đề xuất kỹ thuật bao gồm tất cả các hạng mục công việc phù hợp với nội dung quy định tại Chương V. Yêu cầu kỹ thuật và bảng tiến độ. Các hạng mục công việc được phân chia thành những nhiệm vụ cụ thể một cách tương đối hoàn chỉnh và logic; đồng thời có phân công cho từng chuyên gia tư vấn đề xuất cho gói thầu. (2) Phương pháp luận phù hợp với nhiệm vụ (3) Đề xuất trình bày rõ ràng làm thế nào để thực hiện tốt được công việc (đặc biệt là những công việc mang tính đặc thù của gói thầu
1.3	Cách trình bày đề xuất	Phải đáp ứng các yêu cầu sau: (1) Đề xuất được kết cấu và trình bày một cách hợp lý, dễ theo dõi. (2) Đề xuất hoàn chỉnh và thuyết phục
2.	Kế hoạch triển khai	Phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau: (1) Kế hoạch công việc bao gồm tất cả các nhiệm vụ để thực hiện gói thầu thầu theo yêu cầu tại Chương V. Đề xuất kỹ thuật và yêu cầu tiến độ tại Bảng tiến độ; mỗi nhiệm vụ cụ thể phải được phân tích, mô tả một cách hoàn chỉnh, phù hợp, rõ ràng (trong đó: chú ý đến

		<p>mốc thời gian Dự thảo sản phẩm Bảng giá đất phải trình Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang để tổng hợp trước 15/10)</p> <p>(2) Kế hoạch triển khai phù hợp với phương pháp luận và tiến độ dự kiến theo Chương 5. Yêu cầu kỹ thuật và Bảng tiến độ.</p> <p>(3) Có bảng biểu mô tả kế hoạch thực hiện công việc và tiến độ nộp báo cáo.</p>
3.	Bố trí nhân sự	<p>Phải đáp ứng yêu cầu sau:</p> <p>(1) Bố trí nhân sự theo yêu cầu của HSMT.</p> <p>(2) Thời điểm và thời gian huy động tư vấn phù hợp với kế hoạch triển khai.</p>

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá**

##### **Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.



## Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

*Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:*

### 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

Tên dự án: Xây dựng Bang gia đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang;

Tên gói thầu: dịch vụ, tư vấn Xây dựng Bang gia đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang,

Giang,

Phạm vi thực hiện: tên địa bàn toàn tỉnh (10 huyện, thành phố).

Thời gian thực hiện: 5 tháng.

*Mục này nêu thông tin tóm tắt về dự án và về gói thầu địa điểm thực hiện dự án, quy mô của dự án, yêu cầu về cung cấp dịch vụ, thời gian thực hiện và những thông tin khác tùy theo tình chất và yêu cầu của gói thầu.*

### 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Việc điều tra, khảo sát xây dựng bang gia đất được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai, Nghị định 44/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về giá đất; Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ. Sơ bộ các bước thực hiện như sau:

**Bước 1. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; các yêu cầu tại điểm điều tra**

1. Việc điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; các yêu cầu từ tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại điểm điều tra được thực hiện theo quy định sau:

a) Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về giá đất thị trường của tài sản 03 thửa đất đai diện cho mỗi vị trí đất tại điểm điều tra đối với từng loại đất theo mẫu biểu từ Mẫu số 01 đến Mẫu số 05 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT-BTNMT.

b) Điều tra khảo sát, thu thập thông tin về các yếu tố từ tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại điểm điều tra theo Mẫu số 06

của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT.

2. Kết thúc việc điều tra khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường tại mỗi điểm điều tra phải kiểm tra, rà soát toàn bộ phiếu điều tra và xác định mức giá của các vị trí đất. Mức giá của vị trí đất được xác định bằng bình quân số học mức giá của các thửa đất đã điều tra, khảo sát tại từng vị trí đất.

Đối với các vị trí đất không có thông tin về giá đất thị trường thì căn cứ vào giá đất trong bảng giá đất hiện hành, mức giá của các vị trí đất đã được xác định, áp dụng phương pháp so sánh trực tiếp quy định tại Khoản 1 Điều 4 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và Điều 3 của Thông tư này để xác định mức giá của các vị trí đất còn lại.

3. Việc thống kê giá đất thị trường tại điểm điều tra thực hiện theo Mẫu số 07 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT- BTNMT và xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại điểm điều tra. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Đánh giá tổng quan về điểm điều tra;
- b) Đánh giá tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại điểm điều tra; tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất thị trường với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành;
- c) Đề xuất mức giá của các vị trí đất tại điểm điều tra.

4. Hồ sơ kết quả điều tra khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường tại điểm gồm có:

- a) Phiếu thu thập thông tin về điểm điều tra;
- b) Phiếu thu thập thông tin về thửa đất;
- c) Bảng thống kê phiếu thu thập thông tin về thửa đất;
- d) Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại điểm điều tra.

## **Bước 2. Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện**

1. Việc tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 08 đến Mẫu số 11 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại cấp huyện. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:

- a) Đánh giá về các yếu tố tự nhiên, kinh tế - xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn cấp huyện;
- b) Đánh giá tình hình và kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường; tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất thị trường với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành tại cấp huyện;
- c) Đề xuất mức giá của các vị trí đất trên địa bàn cấp huyện.

3. Hồ sơ tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện gồm có:

a) Bảng tổng hợp giá đất trên địa bàn cấp huyện;  
b) Báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường tại cấp huyện.

**Bước 3. Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh và danh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành**

1. Việc tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 12 đến Mẫu số 14 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT-BTNMT và phải hoàn thiện trước ngày 01 tháng 8 của năm xây dựng bảng giá đất.

2. Phân tích, đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành  
a) Danh giá tình hình biến động và mức biến động (tăng hoặc giảm) giữa giá đất thị trường với giá đất cùng loại trong bảng giá đất hiện hành.  
b) Danh giá các quy định trong bảng giá đất hiện hành.

**Bước 4. Xây dựng bảng giá đất**

1. Bảng giá đất được xây dựng theo vị trí đất thực hiện theo mẫu biểu từ Mẫu số 15 đến Mẫu số 19 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT-BTNMT. Trường hợp bảng giá đất được xây dựng đến từng thửa đất thì thực hiện theo Mẫu số 20 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Xứ lý giá đất tại khu vực giáp ranh  
a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 13 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP để quy định khu vực giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là khu vực giáp ranh).  
b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm gửi dự thảo bảng giá đất của địa phương cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đất giáp ranh để lấy ý kiến; đăng dự thảo bảng giá đất lên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhân được dự thảo bảng giá đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đất giáp ranh phải có văn bản trả lời.

Trường hợp chênh lệch về mức giá đất tại khu vực giáp ranh trong dự thảo bảng giá đất vượt mức quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có đất giáp ranh phải thông nhất với nhau về mức giá đất dự kiến ban hành tại khu vực giáp ranh.

3. Xây dựng báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất. Báo cáo gồm các nội dung chủ yếu sau:  
a) Danh giá về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, tình hình quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất trên địa bàn cấp tỉnh;  
b) Danh giá tình hình và kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường trên địa bàn cấp tỉnh; kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành;  
c) Danh giá sự phù hợp hoặc chưa phù hợp của giá đất trong dự thảo bảng giá đất so với khung giá đất; kết quả điều tra giá đất thị trường; giá đất trong dự thảo bảng giá đất của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có đất giáp ranh (nếu

(c):

- d) Việc quy định vị trí đất, áp dụng các phương pháp định giá đất và mức giá các loại đất trong dự thảo bảng giá đất, các phương án giá các loại đất (nếu có);
- đ) Danh giá tác động của dự thảo bảng giá đất đến tình hình kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư, việc thực hiện chính sách tài chính về đất đai và thu nhập, đời sống của hộ gia đình, cá nhân, tổ chức sử dụng đất.
4. Xây dựng Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất.
5. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo bảng giá đất và hoàn thiện dự thảo bảng giá đất.
- Bước 5. Thăm định dự thảo bảng giá đất**
1. Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Hội đồng thăm định bảng giá đất hồ sơ thăm định dự thảo bảng giá đất trước ngày 15 tháng 10 của năm xây dựng bảng giá đất. Hồ sơ gồm có:
- a) Tờ trình về việc ban hành bảng giá đất;
- b) Dự thảo bảng giá đất;
- c) Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất (bao gồm Mẫu số 12 đến Mẫu số 14 của Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư 36/2014/TT-BTNMT).
2. Nội dung thăm định bảng giá đất của Hội đồng thăm định bảng giá đất thực hiện theo Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22/6/2016 của Liên Bộ Tài chính, Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thăm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thăm định bảng giá đất.

**Bước 6. Hoàn thiện dự thảo bảng giá đất; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; quyết định ban hành bảng giá đất**

1. Căn cứ văn bản tham định của Hội đồng thăm định bảng giá đất, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện dự thảo bảng giá đất và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP.
2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP.

3. Sau khi nhân được Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức hoàn thiện hồ sơ xây dựng bảng giá đất; quyết định ban hành và công bố công khai bảng giá đất tại địa phương vào ngày 01/01/2020.
4. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả xây dựng bảng giá đất trước ngày 15 tháng 01 của năm đầu kỳ để tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Kết quả xây dựng bảng giá đất gồm có:
- a) Quyết định ban hành bảng giá đất;

- b) Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất;  
c) Bảng tổng hợp giá đất đối với từng loại đất trên địa bàn cấp tỉnh.

**Sản phẩm của kế hoạch:**

- Sở Tài nguyên và Môi trường lưu giữ, quản lý 01 bộ gồm:
  - + Phiếu điều tra giá đất;
  - + Báo cáo kết quả tổng điều tra giá đất;
- + Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- + Địa CD ghi toàn bộ dữ liệu về bảo cáo đánh giá, báo cáo thuyết minh, bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- UBND tỉnh Bắc Giang 01 bộ gồm:
  - + Báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
  - + Địa CD ghi toàn bộ dữ liệu về bảo cáo đánh giá, báo cáo thuyết minh, bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang: mỗi đơn vị 01 bộ gồm:
  - + Bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
  - Cria cấp huyện: mỗi huyện, thành phố 01 bộ gồm:
    - + Bảng quy định giá các loại đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024;
- + Bàn giao để công bố: 02 đĩa CD ghi dữ liệu bảng giá đất tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2020-2024, giao cho các cơ quan để phục vụ công bố.

## **Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng danh cho Nhà thầu trung thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 19. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 20. Hợp đồng

Mẫu số 21. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 22. Bảo lãnh tiền tạm ứng

## THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: \_\_\_\_ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: \_\_\_\_ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 21 Chương VIII của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 E-DKCT của HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong

trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_<sup>(1)</sup> mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Tại liệu đính kèm: Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.



**HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gửi đầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gửi đầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ (Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội);

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ (Luật đầu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội);

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_ (Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu thầu về lựa chọn nhà thầu);

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của \_\_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu từng đầu ký ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tại khoản: \_\_\_\_\_

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **ĐKCT**.  
<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế: \_\_\_\_\_  
Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_  
Chức vụ: \_\_\_\_\_  
Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trùng  
hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu : \_\_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu trong đầu]:

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trùng  
hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;

2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

4. E-DKCT của hợp đồng;

5. E-DKCC của hợp đồng;

6. E-HSĐT và các văn bản làm rõ E-HSĐT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại dịch vụ như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].
2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_ [*ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 E-ĐKCT*].

### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: [*ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12 E-ĐKC*]

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.2 E-BDL, HSĐT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bộ, Nhà thầu giữ \_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP  
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong HSMT, HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hàng mức, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hàng mức, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định

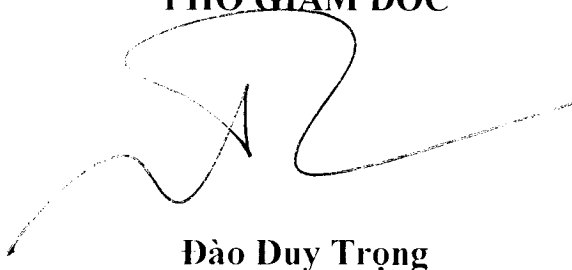
(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

# HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN QUA MẠNG MỘT GIAI ĐOẠN MỘT TÚI HỒ SƠ

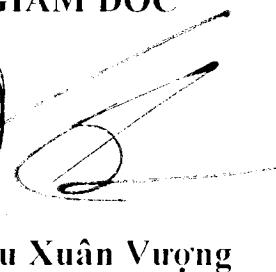
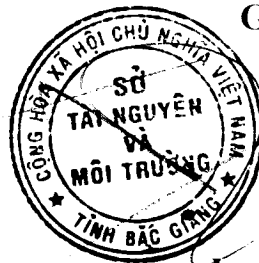
(Kèm theo Quyết định số 417/QĐ-UBND ngày 02/8/2019 của Giám đốc  
Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang)

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
BÊN MỜI THẦU  
TỔ TRƯỞNG  
TỔ CHUYÊN GIA ĐẦU THẦU  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đào Duy Trọng

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI  
TRƯỜNG BẮC GIANG  
GIÁM ĐỐC



Lưu Xuân Vượng

<b>Nhập nội dung TBMT</b>
---------------------------

<b>Thông tin chung</b>		
Số TBMT	20190804267-00	Ngày đăng tải
Hình thức thông báo	Đăng lần đầu	
Loại thông báo	Thông báo thực	
Lĩnh vực	Phi tư vấn	
Bên mời thầu	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang	
Chủ đầu tư	Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047	
Tên gói thầu	Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang	
Phân loại	Dự án đầu tư	
Tên dự án	Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 tỉnh Bắc Giang	
Chi tiết nguồn vốn	nguồn sự nghiệp tài nguyên 2019	
Loại hợp đồng	Trọn gói	
Hình thức lựa chọn nhà thầu	Chào hàng cạnh tranh	Trong nước
Phương thức	Một giai đoạn một túi hồ sơ	
Thời gian thực hiện hợp đồng	5 Tháng	

<b>Cách thức tham dự thầu</b>	
Hình thức dự thầu	Đấu thầu qua mạng
Thời gian nhận HSDT từ ngày	
Phát hành E-HSMT	Miễn phí
Địa điểm nhận E-HSDT	web site: <a href="http://muasamcong.mpi.gov.vn">http://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
Địa điểm thực hiện gói thầu	Tỉnh Bắc Giang

<b>Bao đảm dự thầu</b>	
Số tiền đảm bảo	7.655.900 VND
Số tiền bằng chữ	Bảy triệu sáu trăm năm mươi năm nghìn chín trăm đồng chẵn
Hình thức đảm bảo dự thầu	Thư bảo lãnh

<b>Mở thầu</b>	
Thời điểm đóng/mở thầu	16/08/2019 08:00
Địa điểm mở thầu	website: <a href="http://muasamcong.mpi.gov.vn">http://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
Dự toán gói thầu	765.590.000 VND
Số tiền bằng chữ	Bảy trăm sáu mươi năm triệu năm nghìn chín trăm đồng chẵn



## BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên bên mời thầu là: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang
<b>E-CDNT 1.2</b>	Tên gói thầu: Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 từ Bắc Giang Tên dự án là: Dịch vụ, tư vấn xây dựng bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 từ Bắc Giang Thời gian thực hiện hợp đồng là: 5 Tháng
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): nguồn sự nghiệp tài nguyên 20
<b>E-CDNT 5.3</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bên mời thầu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Số Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền - TP Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang</li> <li>+ Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047</li> </ul> </li> </ul> <p>trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng 1 kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh của đoàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng nhà thầu như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán</li> <li>+ Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT</li> <li>+ Tư vấn đánh giá E-HSDT; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu</li> </ul> </li> </ul> <p>Sở Tài chính tỉnh Bắc Giang; Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang (02043856047); Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang</p> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực thuộc với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang, địa chỉ: Số Ngô Gia Tự - Phường Ngô Quyền - TP Bắc Giang - tỉnh Bắc Giang</li> <li>- Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047</li> </ul>
<b>E-CDNT 10.7</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: không yêu cầu
<b>E-CDNT 15.2</b>	Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận bao gồm: + 01 HĐ tư vấn xây dựng Bảng giá đất cấp tỉnh hoặc Hợp đồng tương đương công chứng, chứng thực) + Tài liệu chứng minh về năng lực nhân sự tham gia gói thầu (đồng lao động; Chứng chỉ thẩm định giá (hoặc tương đương) của Tư vấn trường tư vấn viên) + Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà thầu để thực hiện gói thầu
<b>E-CDNT 16.1</b>	Thời hạn hiệu lực của E-HSDT $\geq$ 90 ngày.
<b>E-CDNT 17.1</b>	Nội dung bảo đảm dự thầu: - Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 7.655.900 VND - Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu
<b>E-CDNT 25.2</b>	Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 30 % giá dự thầu của nhà thầu.

<b>E-CDNT 27.1</b>	<p>Phương pháp đánh giá E-HSDT:</p> <p>a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm : Đạt - Không đạt</p> <p>b) Đánh giá về kỹ thuật : Đạt - Không đạt</p> <p>c) Đánh giá về giá : Phương pháp giá thấp nhất</p>
<b>E-CDNT 27.2.1</b>	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (n nhất được xếp hạng thứ nhất.
<b>E-CDNT 29.4</b>	Nhà thầu có giá dự thầu thấp nhất.
<b>E-CDNT 31.1</b>	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống là 7 ngày làm việc Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
<b>E-CDNT 32</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Địa chỉ của Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 0204385</li> <li>- Địa chỉ của Người có thẩm quyền: Lưu Xuân Vượng Giám Đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 50 Ngô Gia Tự- TP Bắc Giang SĐT: 02043856047</li> <li>- Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Phòng Kế hoạch chính - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang SĐT: 02043850877</li> </ul>
<b>E-CDNT 33</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang Trụ sở: Đường Nguyễn Gia Thiều, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang Điện thoại: 0204-3854317
<b>E-CDNT 34</b>	<p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa: 10 %</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa: 10 %</p>

**PHẠM VI CUNG CẤP**  
**(áp dụng đối với loại hợp đồng trọn gói)**

Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các dịch vụ yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ khối lượng và các mô tả dịch vụ với các diễn giải chi tiết (nếu thấy cần thiết).

STT	Danh mục dịch vụ	Mô tả dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Công tác chuẩn bị	Xác định loại xã, loại đô thị, xác định khu vực, xác định vị trí trong xây dựng bảng giá đất; chuẩn bị biểu mẫu, phiếu điều tra	phiếu	8.500
2	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; yếu tố tự nhiên, kinh tế- xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại thời điểm điều tra	Điều tra, thu thập thông tin yếu tố tự nhiên, kinh tế- xã hội, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất : Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin về giá đất thị trường theo mẫu phiếu điều tra; Kiểm tra, rà soát và phân loại phiếu điều tra; Xác định mức giá của các vị trí đất; thống kê giá đất thị trường; Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường theo từng điểm điều tra	phiếu	8.500
3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp huyện	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện	bảng tổng hợp	10
4	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường tại cấp tỉnh và đánh giá kết quả thực hiện bảng giá đất hiện hành	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện; Xây dựng báo cáo về tình hình và kết quả điều tra giá đất thị trường theo từng đơn vị hành chính cấp huyện	bảng tổng hợp	1

5	Xây dựng Bảng giá đất	1, Xây dựng Bảng mức giá các loại đất: Bảng giá đất trồng cây hàng năm gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hàng năm khác; Bảng giá đất trồng cây lâu năm; Bảng giá đất rừng sản xuất; Bảng giá đất NTTS; Bảng giá đất khu, cụm công nghiệp; Bảng giá đất ở nông thôn; Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh PNN không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn; Bảng giá đất ở tại đô thị; Bảng giá đất thương mại, dịch vụ tại đô thị; Bảng giá đất sản xuất, kinh doanh PNN không phải là đất thương mại, dịch vụ tại đô thị. 2, Xử lý giá đất tại khu vực giáp ranh 3, Xây dựng báo cáo thuyết minh xây dựng bảng giá đất	Bảng	11
6	Hoàn thiện dự thảo Bảng giá đất	Hoàn thiện dự thảo Bảng giá đất	bộ	1
7	In, sao, lưu trữ, phát hành	In, sao, lưu trữ, phát hành Bảng giá đất	bộ	14

**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Nêu yêu cầu về thời gian thực hiện hợp đồng theo ngày/tuần/tháng:

Thời gian thực hiện hợp đồng	5 Tháng
------------------------------	---------

Trường hợp cần lập kế hoạch thực hiện/lich trình thực hiện cho từng hoạt động thì bên mời thầu dịch vụ và khối lượng công việc, tiến độ cung cấp cụ thể và địa điểm như bảng dưới đây:

STT	Danh mục	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Tiến độ thực hiện	Yêu cầu đầu ra	Địa
1	Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin giá đất thị trường; yếu tố tự nhiên, KT-XH, quản lý và sử dụng đất đai ảnh hưởng đến giá đất tại thời điểm điều tra	1	phiếu	20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	8500	230 x. thị trấn Bàn Ti Giang
2	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin cấp huyện	1	bảng	10 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 1	10 bảng tổng hợp, 10 báo cáo	10 hu phố tr tỉnh B
3	Tổng hợp kết quả điều tra, thu thập thông tin cấp tỉnh	1	bảng	5 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 2	01 bảng tổng hợp, 01 báo cáo	tỉnh B
4	Xây dựng dự thảo Bảng giá đất	11	bảng	10 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 3	11 bảng giá các loại đất	tỉnh B
5	Hoàn thiện, in, sao kê tài liệu	1	bộ	5 ngày kể từ ngày hoàn thành nội dung 4	Theo yêu cầu của Chủ đầu tư về tiến độ các phiên họp, thẩm định	tỉnh B

Mẫu số 03

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	<b>Năng lực tài chính</b>						
2.1	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động cung cấp dịch vụ	Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 750,000,000 VND, tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trong vòng 3 năm trở lại đây. Doanh thu hàng năm được tính bằng tổng các khoản thanh toán cho các hợp đồng cung cấp dịch vụ mà nhà thầu nhận được trong năm đó.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Mẫu số 13
2.2	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có các tài sản có khả năng thanh khoản cao hoặc có khả năng tiếp cận với tài sản có khả năng thanh khoản cao sẵn có, các khoản tín dụng hoặc các nguồn tài chính khác (không kể các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là 229,677,000 VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Không áp dụng	Các Mẫu số 14, 15

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				
STT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			Tài liệu cần nộp
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
3	<b>Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự</b>	<p>Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời điểm đóng thầu: Số lượng hợp đồng tương tự là 02, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là 350.000.000 VNĐ hoặc số lượng HĐ ít hơn hoặc nhiều hơn 2 trong đó có ít nhất 01 HĐ có giá trị tối thiểu là 350.000.000 VNĐ và tổng giá trị tất cả các HĐ <math>\geq</math> 700.000.000 VNĐ</p> <p>(i) số lượng hợp đồng là N, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là V (<math>N \times V = X</math>) hoặc</p> <p>(ii) số lượng hợp đồng ít hơn hoặc nhiều hơn N, trong đó có ít nhất 01 hợp đồng có giá trị tối thiểu là V và tổng giá trị tất cả các hợp đồng <math>\geq X</math>.</p>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10A, 10B

### YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Tùy theo quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định nhà thầu phải đề xuất nhân sự chủ chốt công việc của gói thầu.

STT	Vị trí công việc	Số lượng	Tổng số năm kinh nghiệm	Kinh nghiệm công việc
1	Tư vấn trưởng	1	3	
2	Tư vấn viên	3	1	

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm theo các Mẫu số 11A, 11B Chương IV



## YÊU CẦU THIẾT BỊ MÁY MÓC DỰ KIẾN THỰC HIỆN GÓI THẦU

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà Bên mời thầu quy định yêu cầu về thiết bị thi công ch huy động và số lượng để thực hiện gói thầu cho phù hợp.

STT	Loại thiết bị	Đặc điểm thiết bị
1	Máy tính	máy bàn hoặc laptop
2	Máy in	máy in văn phòng

Nhà thầu phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để Mẫu số 11C Chương IV.

**ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG**

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư là: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu:
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 50 n TP bắc Giang 02043855877
<b>E-ĐKC 2.8</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: HSMT; HSDT; Biên bản thương thảo
<b>E-ĐKC 4</b>	Chủ đầu tư có thể ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Giang 02043856047
<b>E-ĐKC 6.1</b>	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng c từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày 30/04/2020
<b>E-ĐKC 6.2</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10 ngày
<b>E-ĐKC 7.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: Có áp dụng
<b>E-ĐKC 7.3</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: Phải có đầy đủ năng lực tro hiện các công việc về xác định giá đất theo quy định của pháp luật
<b>E-ĐKC 8.2</b>	- Thời gian để tiến hành hòa giải: 5 ngày - Giải quyết tranh chấp: 3 ngày
<b>E-ĐKC 12.1</b>	Loại hợp đồng: Trọn gói
<b>E-ĐKC 12.2</b>	Giá hợp đồng: --Ghi giá hợp đồng-- VND
<b>E-ĐKC 13</b>	Điều chỉnh giá hợp đồng: không áp dụng
<b>E-ĐKC 14</b>	Điều chỉnh thuế: được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu x thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh th trong hợp đồng.
<b>E-ĐKC 15.1</b>	Tạm ứng: được tạm ứng không quá 30% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu n hợp đồng.
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Phương thức thanh toán: chuyển khoản
<b>E-ĐKC 16.3</b>	Giảm trừ thanh toán: không áp dụng
<b>E-ĐKC 18.1</b>	Mức bồi thường thiệt hại là: 100% (khi bên bị thiệt hại là Chủ đầu tư). Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 100% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 18.2</b>	Tỷ lệ % dùng để tính tiền phạt thực hiện hợp đồng là: 2% giá hợp đồng.
<b>E-ĐKC 20.1(c)</b>	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng: Hợp đồng được điều ch sung trong trường hợp các bên tham gia ký kết hợp đồng nhất trí về việc điều chi đó.

<b>E-DKC 21.4</b>	Các trường hợp khác: Chủ đầu tư được phép yêu cầu nhà thầu điều chỉnh bố thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu tiến độ thời gian UBND tỉnh Bắc Giang việc xây dựng và thông qua Bảng giá đất.
<b>E-DKC 22.1(d)</b>	Các hành vi khác: Sau khi chủ đầu tư đã nhắc nhở nhà thầu đến lần thứ 3 bởi về việc vi phạm tiến độ hợp đồng hoặc chất lượng sản phẩm không đáp ứng yêu Cầu chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng với nhà thầu mà không cần thiệt hại; trong trường hợp này nhà thầu sẽ bị thu hồi toàn bộ giá trị bảo lãnh hợp nộp vào ngân sách Nhà nước
<b>E-DKC 23.1</b>	Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên thức như sau: Tổ chức các cuộc họp do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì; do Tổ tư vấn xác định giá đất và Hội đồng tư vấn xác định giá đất đã Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: 2 ngày làm việc kể từ ngày chủ đầu tư thông báo về sai sót. Việc không sửa chữa sai sót kịp thời theo yêu cầu của chủ coi là hành vi vi phạm hợp đồng.
<b>E-DKC 24.2</b>	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 3 ngày làm việc kể từ ngày tư có văn bản yêu cầu thay thế. Việc không thay thế kịp thời theo yêu cầu của chủ được coi là hành vi vi phạm hợp đồng.